

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 47

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười sáu (16) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG".

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là chăn nuôi và kinh doanh bò sữa và bò thịt; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Quang	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2018
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2018
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	
Ông Dương Trần Hùng	Thành viên	từ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc
Ông Phan Thanh Thủ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Xuân Nhân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Đình Vũ	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 29 tháng 8 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

Số tham chiếu: 61280353/20416338

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 29 tháng 8 năm 2018 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và các công ty con. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được lập với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 358.070.073 ngàn VND. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 16.3 và 16.4 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Thị Cẩm Tú
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2266-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.389.693.668	988.041.722
110	I. Tiền	4	131.613.704	24.413.533
111	1. Tiền		131.613.704	24.413.533
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.232.219.046	947.187.168
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	250.855.742	202.555.014
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	651.711.108	237.014.145
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		12.058.901	10.302.285
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.317.593.295	497.315.724
140	III. Hàng tồn kho	8	20.072.704	13.194.564
141	1. Hàng tồn kho		20.476.152	13.570.601
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(403.448)	(376.037)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		5.788.214	3.246.457
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		41.038	34.610
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.453.954	2.926.016
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		293.222	285.831
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		17.087.376.677	17.185.941.613
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.525.879.224	5.746.922.974
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	24	4.191.750.369	4.491.728.289
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	1.334.128.855	1.255.194.685
220	II. Tài sản cố định		23.745.638	27.270.615
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	2.306.566	2.840.044
222	Nguyên giá		22.098.779	22.319.279
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(19.792.213)	(19.479.235)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	21.439.072	24.430.571
228	Nguyên giá		48.197.185	48.197.185
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(26.758.113)	(23.766.614)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	11	11.534.742.539	11.410.317.157
251	1. Đầu tư vào các công ty con		11.371.623.485	11.188.437.485
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(122.885.582)	(64.124.964)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		3.009.276	1.430.867
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.009.276	1.430.867
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		19.477.070.345	18.173.983.335

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8.184.330.359	8.155.765.380
310	I. Nợ ngắn hạn		2.747.763.741	2.381.561.152
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	39.672.249	168.392.727
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	19.003.715	115.201.505
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		55.042	183.501
314	4. Phải trả người lao động		3.758.829	279.547
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	413.935.765	400.538.772
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	1.587.899.517	1.293.391.795
320	7. Vay ngắn hạn	16	683.438.624	403.573.305
330	II. Nợ dài hạn		5.436.566.618	5.774.204.228
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	14	240.583.380	678.380.824
337	2. Phải trả dài hạn khác	15	1.170.201.148	-
338	3. Vay dài hạn	16	4.025.782.090	5.095.823.404
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.292.739.986	10.018.217.955
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	11.292.739.986	10.018.217.955
411	1. Vốn cổ phần		8.868.438.950	7.671.438.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		8.868.438.950	7.671.438.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.064.550.810	1.064.550.810
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.359.750.226	1.282.228.195
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.282.228.195	1.291.389.245
421b	- Lợi nhuận (lỗ) kỳ này		77.522.031	(9.161.050)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		19.477.070.345	18.173.983.335



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại - Thuyết minh số 26)
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	18.1	898.170.171	505.886.717
11	2. Giá vốn hàng bán		(771.142.111)	(371.886.486)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		127.028.060	134.000.231
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	315.493.537	287.789.624
22	5. Chi phí tài chính	19	(279.937.402)	(439.927.823)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(215.876.606)	(304.956.043)
25	6. Chi phí bán hàng	20	(32.072.097)	(26.330.087)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(57.527.410)	(12.485.886)
30	8. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		72.984.688	(56.953.941)
31	9. Thu nhập khác	21	10.536.860	3.149.646
32	10. Chi phí khác	21	(5.999.517)	(1.886.304)
40	11. Lợi nhuận khác	21	4.537.343	1.263.342
50	12. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		77.522.031	(55.690.599)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	-	-
60	14. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		77.522.031	(55.690.599)



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại - Thuyết minh số 26)
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		77.522.031	(55.690.599)
	Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	3.411.052	4.866.771
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		58.788.029	(68.684.394)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(353.220)	75.099
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(315.493.537)	(90.145.518)
06	Chi phí lãi vay		220.259.156	309.339.345
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		44.133.511	99.760.704
09	Tăng các khoản phải thu		(104.939.111)	(372.887.838)
10	Tăng hàng tồn kho		(6.905.551)	(31.803.168)
11	Tăng các khoản phải trả		815.973.821	260.191.531
12	Tăng chi phí trả trước		(1.584.837)	(457.780)
14	Tiền lãi vay đã trả		(576.070.584)	(147.208.637)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		170.607.249	(192.405.188)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		-	(12.394.903)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		113.925	268.624
24	Tiền thu hồi cho vay		11.561.566	-
26	Tiền thu hồi bán công ty con		-	1.330.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay		57.651.157	137.342
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		69.326.648	1.318.011.063

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại - Thuyết minh số 26)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay, mượn	16	662.670.813	901.790.189
34	Tiền trả nợ gốc vay, mượn	16	(795.407.927)	(801.632.982)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(132.737.114)	100.157.207
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		107.196.783	1.225.763.082
60	Tiền đầu kỳ		24.413.533	144.092.732
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.388	(12.691)
70	Tiền cuối kỳ	4	131.613.704	1.369.843.123



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười sáu (16) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG".

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có mười một (11) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết. Chi tiết các công ty con như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Sekong, Lào	Đang hoạt động	97,77
(2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	97,77
(3) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Đắc Lắc, Việt Nam	Đang hoạt động	99,53
(4) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động (i)	100,00
(6) Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động (i)	100,00
(8) Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động (i)	100,00
(9) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	97,77
(10) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(11) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(12) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,70
(13) Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động (i)	99,70

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
(14) Công ty Cổ phần An Đông Mía	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,50
(15) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	99,50
(16) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(17) Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(18) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(19) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động (i)	100,00
(20) Công ty TNHH Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động (i)	100,00
(21) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,91

(i) Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh vào ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 155 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 137).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11.1, Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 29 tháng 8 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 358.070.073 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 16.3 và 16.4 của báo cáo tài chính riêng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty, tái cơ cấu một số khoản nợ và đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã vi phạm của các hợp đồng vay và thế chấp có liên quan. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 – 5 năm
Chương trình phần mềm	5 – 8 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản mang lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Bên liên quan

Được coi là bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền mặt	76.212	286.790
Tiền gửi ngân hàng	131.537.492	24.126.743
TỔNG CỘNG	131.613.704	24.413.533

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu từ các bên thứ ba	206.186.814	135.326.494
- Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	93.763.342	39.609.909
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	52.684.105	34.400.372
- Khách hàng khác	59.739.367	61.316.213
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh ("TM") số 24)	44.668.928	67.228.520
TỔNG CỘNG	250.855.742	202.555.014

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 24)	642.616.596	225.454.321
Trả trước cho các bên thứ ba	9.094.512	11.559.824
TỔNG CỘNG	651.711.108	237.014.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn	1.317.593.295	497.315.724
Phải thu các bên liên quan từ việc cản trở công nợ	1.204.677.293	-
Phải thu cổ tức	68.512.500	19.507.500
Phải thu lãi cho vay	-	453.186.982
Khác	44.403.502	24.621.242
Dài hạn	1.334.128.855	1.255.194.685
Phải thu lãi cho vay	1.334.128.855	1.250.194.685
Khác	-	5.000.000
TỔNG CỘNG	2.651.722.150	1.752.510.409
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 24)</i>	<i>1.334.128.855</i>	<i>1.250.194.685</i>
<i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 24)</i>	<i>1.247.369.192</i>	<i>459.639.964</i>
<i>Phải thu các bên thứ ba</i>	<i>70.224.103</i>	<i>42.675.760</i>

8. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Hàng hóa	20.280.806	13.307.332
Công cụ, dụng cụ	115.229	161.438
Nguyên vật liệu	80.117	101.831
TỔNG CỘNG	20.476.152	13.570.601
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(403.448)	(376.037)
GIÁ TRỊ THUẦN	20.072.704	13.194.564

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND			
	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	17.006.392	4.990.704	322.183	22.319.279
Thanh lý	(220.500)	-	-	(220.500)
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>16.785.892</u>	<u>4.990.704</u>	<u>322.183</u>	<u>22.098.779</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	15.781.387	797.302	281.274	16.859.963
Khấu hao lũy kế				
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	16.273.598	2.914.817	290.820	19.479.235
Khấu hao trong kỳ	89.577	325.885	4.091	419.553
Thanh lý	(106.575)	-	-	(106.575)
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>16.256.600</u>	<u>3.240.702</u>	<u>294.911</u>	<u>19.792.213</u>
Giá trị còn lại				
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>732.794</u>	<u>2.075.887</u>	<u>31.363</u>	<u>2.840.044</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>529.292</u>	<u>1.750.002</u>	<u>27.272</u>	<u>2.306.566</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>
	<i>Chương trình phần mềm</i>
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 30 tháng 6 năm 2018	<u>48.197.185</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	333.210
Hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	23.766.614
Hao mòn trong kỳ	<u>2.991.499</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>26.758.113</u>
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>24.430.571</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>21.439.072</u>

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Đầu tư vào các công ty con (TM số 11.1)	11.371.623.485	11.188.437.485
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 11.2)	<u>286.004.636</u>	<u>286.004.636</u>
TỔNG CỘNG	11.657.628.121	11.474.442.121
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(122.885.582)</u>	<u>(64.124.964)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>11.534.742.539</u>	<u>11.410.317.157</u>

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
		Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, và chăn nuôi bò	99,91	3.277.737.120	99,91	3.277.737.120
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò và xây dựng	100,00	2.101.029.560	100,00	2.101.029.560
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Trồng cây công nghiệp	100,00	1.650.000.000	100,00	1.650.000.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây công nghiệp	100,00	943.513.645	100,00	943.513.645
Công ty Cổ phần Đông Pênh	Trồng cây công nghiệp	99,70	798.397.600	99,70	798.397.600
Công ty Cổ phần An Đông Mia (*)	Trồng cây công nghiệp	99,50	878.881.001	69,50	695.695.001
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Chăn nuôi bò	99,00	615.584.549	99,00	615.584.549
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, và chăn nuôi bò	97,77	440.512.398	97,77	440.512.398
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Trồng cây công nghiệp và kinh doanh bất động sản	99,53	394.313.155 (26.952.420)	99,53	394.313.155
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Trồng cây công nghiệp	100,00	171.654.457	100,00	171.654.457
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Thương mại	100,00	100.000.000 (95.933.162)	100,00	100.000.000 (64.124.964)
TỔNG CỘNG			11.371.623.485 (122.885.582)		11.188.437.485 (64.124.964)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(*) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty đã mua lại 6.000.000 cổ phiếu, tương đương 30% tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần An Đông Mía từ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai. Theo đó, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần An Đông Mía từ 69,5% lên 99,5% tại ngày này.

11.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	<u>286.004.636</u>	49,14	<u>286.004.636</u>

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải trả cho các bên thứ ba	35.157.200	20.446.753
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 24)	<u>4.515.049</u>	<u>147.945.974</u>
TỔNG CỘNG	<u>39.672.249</u>	<u>168.392.727</u>

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bên liên quan trả tiền trước (TM số 24)	13.521.869	30.304.994
Bên thứ ba trả tiền trước	<u>5.481.846</u>	<u>84.896.511</u>
TỔNG CỘNG	<u>19.003.715</u>	<u>115.201.505</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn	413.935.765	400.538.772
Chi phí lãi vay	184.149.290	211.277.019
Chi phí phải trả phát sinh khi thanh lý công ty con	152.450.400	152.450.400
Khác	77.336.075	36.811.353
Dài hạn	240.583.380	678.380.824
Chi phí lãi vay	240.583.380	678.380.824
TỔNG CỘNG	654.519.145	1.078.919.596

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn	1.587.899.517	1.293.391.795
Mượn tiền	1.575.700.000	85.750.000
Cổ tức phải trả	2.698.440	4.506.440
Nhận góp vốn từ các cổ đông (TM số 17.1)	-	1.197.000.000
Phải trả khác	9.501.077	6.135.355
Dài hạn	1.170.201.148	-
Phải trả các bên liên quan từ việc cản trừ công nợ	1.170.201.148	-
Lãi vay	-	-
TỔNG CỘNG	2.758.100.665	1.293.391.795
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 24)</i>	<i>1.557.500.000</i>	<i>696.748.336</i>
<i>Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 24)</i>	<i>1.170.201.148</i>	<i>346.274.401</i>
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>30.399.517</i>	<i>250.369.058</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn	683.438.624	403.573.305
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 16.1)	529.380.973	299.597.754
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (TM số 16.2)	148.831.510	86.717.200
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 16.3)	5.226.141	5.167.051
Vay ngắn hạn bên liên quan	-	12.091.300
Dài hạn	4.025.782.090	5.095.823.404
Vay dài hạn trái phiếu (TM số 16.2)	1.929.303.785	2.030.418.476
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 16.3)	989.634.274	981.412.195
Vay dài hạn bên thứ ba (TM số 16.4)	754.143.367	2.083.992.733
Vay dài hạn bên liên quan (TM số 16.5)	352.700.664	2.083.992.733
TỔNG CỘNG	<u>4.709.220.714</u>	<u>5.499.396.709</u>

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	Ngàn VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	403.573.305	5.095.823.404	5.499.396.709
Tiền thu từ đi vay	555.124.987	107.545.826	662.670.813
Vay dài hạn đến hạn trả	105.497.242	(105.497.242)	-
Tiền trả nợ gốc vay	(368.774.701)	(426.633.226)	(795.407.927)
Chi phí phát hành trái phiếu	-	4.382.550	4.382.550
Cán trừ với khoản phải thu	(12.041.300)	(658.061.298)	(670.102.598)
Chênh lệch tỷ giá	59.091	8.222.076	8.281.167
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>683.438.624</u>	<u>4.025.782.090</u>	<u>4.709.220.714</u>

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Tài sản đảm bảo
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong</i>					
Khoản vay ngày 21 tháng 4 năm 2017	299.686.889	Từ ngày 3 tháng 7 năm 2018 đến ngày 29 tháng 3 năm 2019	- Khi giải ngân bằng VND: lãi suất năm đầu tiên 10%, sau đó thay đổi hàng quý bằng lãi suất cơ sở năm hạn 3 tháng của TP Bank cộng biên độ 3,2% năm (2018: 10,2 – 10,5 %/ năm) - Khi giải ngân bằng ngoại tệ, lãi suất TP Bank quy định tại thời điểm giải ngân	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh trái cây (chanh dây, chuối, thanh long) và mũ cao su	Tài sản của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai và Công ty TNHH Eastern (Cambodia) đã đang và sẽ hình thành lần lượt trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY440746, diện tích 1.804.000 m2 và theo giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất tổ chức kinh tế tại Campuchia số Kor Ror 0185, diện tích 925 ha.
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai</i>					
Khoản vay ngày 5 tháng 2 năm 2018	229.694.084	Từ ngày 8 tháng 8 năm 2018 đến ngày 2 tháng 10 năm 2018	Được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể trong từng thời kỳ (2018: 9,4 – 10 %/năm)	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh	Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là động sản và bất động sản (bao gồm vườn cây cao su) trên diện tích đất 335 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào; Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là vườn cây cao su, cò dầu và cây ăn trái trên diện tích đất 2.000,13 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào. Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (vườn cây cao su) trên diện tích đất 1.093 ha tại Tỉnh Kratie, Vương quốc Campuchia

529.380.973

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.2 Vay dài hạn trái phiếu

Chi tiết trái phiếu thường vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 được trình bày như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital ("ECS")	1.694.000.000	1.694.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IB")	387.617.068	431.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(3.481.773)	(7.864.324)
TỔNG CỘNG	<u>2.078.135.295</u>	<u>2.117.135.676</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả</i>	148.831.510	86.717.200
<i>Vay dài hạn trái phiếu</i>	1.929.303.785	2.030.418.476

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.2 Vay dài hạn trái phiếu (tiếp theo)

Trái phiếu thương

Chi tiết trái phiếu thường vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Tài sản thế chấp
ESC (*)	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB")	1.394.000.000	từ ngày 17 tháng 8 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021	10,5%/ năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB – Chi nhánh Sở Giao dịch cộng với biên độ 4,5%/năm (2018: 10,9 – 12)	Cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu kèm chứng quyền có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND (**) được phát hành vào tháng 12 năm 2012, bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc cây cao su, cọ dầu và mía đường tại Campuchia và Lào	
IB	Ngân hàng TMCP Quốc dân (**)	300.000.000	từ ngày 17 tháng 2 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021	10,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB cộng với biên độ 4,0%/năm (2018: 11,1 – 11,5)	Cơ cấu lại nợ của Công ty	166.345.440 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi HAG; và toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với 7.376 hecta đất tại Huyện Lumphat, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của các công ty con của Công ty và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch Đoàn Nguyễn Đức
Chi phí phát hành		387.617.068	từ ngày 27 tháng 9 năm 2018 đến ngày 27 tháng 12 năm 2020			
		<u>(3.481.773)</u>				
TỔNG CỘNG		2.078.135.295				

Trong đó:

Vay dài hạn trái phiếu	1.929.303.785
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	148.831.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.2 Vay dài hạn trái phiếu (tiếp theo)

(*) Theo thỏa thuận gia hạn trái phiếu ngày 10 tháng 2 năm 2017, VPB, trái chủ của khoản trái phiếu 1.400 tỷ VND đã đồng ý gia hạn thời gian hoàn trả trái phiếu và thời gian hoàn trả mới tối đa đến ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Theo thỏa thuận gia hạn trái phiếu ngày 10 tháng 3 năm 2017, NCB, trái chủ của khoản trái phiếu 300 tỷ VND đã đồng ý gia hạn thời gian hoàn trả trái phiếu và thời gian hoàn trả mới tối đa đến ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, diện tích trồng cây cao su thực tế tại các công ty con của Công ty là 44.479 ha nhỏ hơn diện tích 70.643 ha đã đăng ký trong hợp đồng đặt mua trái phiếu.

(**) *Trái phiếu kèm chứng quyền*

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành 20.000 trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do VPBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm một (1) năm. Công ty đã mua lại 17.000 trái phiếu với tổng mệnh giá là 1.700 tỷ VND vào ngày 17 tháng 11 năm 2015 và 3.000 trái phiếu còn lại với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND vào ngày 18 tháng 5 năm 2016.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2015, theo thỏa thuận giữa ECS – công ty sở hữu 20.000 chứng quyền và Công ty, ngày hết hạn của chứng quyền được gia hạn thêm hai (2) năm. Theo đó, thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền được tăng từ bốn (4) năm lên sáu (6) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền, tức là ngày 5 tháng 12 năm 2018.

16.3 Vay dài hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai và Chi nhánh Bến Nghé	732.405.810	724.124.641
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Sài Gòn	262.454.605	262.454.605
TỔNG CỘNG	994.860.415	986.579.246
<i>Trong đó :</i>		
<i>Vay dài hạn</i>	989.634.274	981.412.195
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	5.226.141	5.167.051

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Lào và Campuchia.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
	Ngàn VND	USD			
BIDV, Chi nhánh Gia Lai và Chi nhánh Bến Nghé					
Khoản vay ngày 1 tháng 4 năm 2010	732.405.810	31.850.655	từ ngày 31 tháng 12 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD năm hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7%/năm (2018: 7,20)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha, San Xay và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của các công ty con
Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn (*)					
Khoản vay ngày 3 tháng 1 năm 2014	262.454.605	-	từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 12 năm 2026	2018: 9,60 %/ năm và từ 2019 trở đi bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối năm của Sacombank + (cộng) biên độ 2%/ năm được điều chỉnh 3 tháng/lần	23,2 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức và 14,5 triệu cổ phần của Hoàng Anh Quang Minh thuộc sở hữu của Công ty
TỔNG CỘNG	994.860.415				

Trong đó:

Vay dài hạn	989.634.274
Vay dài hạn đến hạn trả	5.226.141

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, diện tích trồng thực tế tại các công ty con của Công ty là 44.479 ha nhỏ hơn diện tích 70.643 ha đã đăng ký trong hợp đồng vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.4 Vay dài hạn bên thứ ba

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên thứ ba như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Tài sản đảm bảo
<i>Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai</i>				
Khoản vay ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>754.143.367</u>	Ngày 1 tháng 7 năm 2021	11,6	Tín chấp
Trong đó :				
Vay dài hạn	754.143.367			

16.5 Vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Tài sản đảm bảo
<i>Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, công ty mẹ (TM số 24)</i>				
Khoản vay ngày 4 tháng 7 năm 2016	<u>352.700.664</u>	Ngày 7 tháng 12 năm 2021	4,2	Tín chấp
Trong đó :				
Vay dài hạn	352.700.664			

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngân VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017				
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	7.671.438.950	1.064.550.810	1.291.389.245	10.027.379.005
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(55.690.599)	(55.690.599)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	7.671.438.950	1.064.550.810	1.235.698.646	9.971.688.406
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018				
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	7.671.438.950	1.064.550.810	1.282.228.195	10.018.217.955
Phát hành cổ phiếu (*)	1.197.000.000	-	-	1.197.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	77.522.031	77.522.031
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	8.868.438.950	1.064.550.810	1.359.750.226	11.292.739.986

(*) Vào ngày 5 tháng 3 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 119.700.000 cổ phiếu để hoán đổi nợ thành vốn cổ phần (TM số 15). Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 7.671.438.950 ngàn VND lên 8.868.438.950 ngàn VND. Vào ngày 30 tháng 3 năm 2018, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, chấp thuận việc tăng vốn trên.

17.2 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	886.843.895		767.143.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	886.843.895		767.143.895
Cổ phiếu phổ thông	886.843.895		767.143.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	886.843.895		767.143.895
Cổ phiếu phổ thông	886.843.895		767.143.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng hóa

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
		Ngàn VND
Doanh thu thuần về bán hàng	<u>898.170.171</u>	<u>505.886.717</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên thứ ba	744.973.720	433.348.265
Doanh thu với các bên liên quan (TM số 24)	153.196.451	72.538.452

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
		Ngàn VND
Lãi tiền cho vay từ các bên liên quan (TM số 24)	266.437.611	287.607.942
Cổ tức (TM số 24)	49.005.000	-
Khác	50.926	181.682
TỔNG CỘNG	<u>315.493.537</u>	<u>287.789.624</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại - Thuyết minh số 26)
		Ngàn VND
Chi phí lãi vay	215.876.606	304.956.043
Trích lập dự phòng (hoàn nhập) đầu tư tài chính dài hạn	58.760.618	(68.684.394)
Chi phí phát hành trái phiếu	4.382.550	4.383.302
Lỗ thanh lý khoản đầu tư vào công ty con	-	198.533.750
Khác	917.628	739.122
TỔNG CỘNG	<u>279.937.402</u>	<u>439.927.823</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí bán hàng	32.072.097	26.330.087
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.585.698	15.075.146
Chi phí nhân viên	5.068.257	4.692.744
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	4.799.274	5.904.687
Khác	1.618.868	657.510
Chi phí quản lý doanh nghiệp	57.527.410	12.485.886
Chi phí nhân viên	3.340.413	5.552.051
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	3.328.825	3.318.348
Khác	50.858.172	3.615.487
TỔNG CỘNG	89.599.507	38.815.973

21. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Thu nhập khác	10.536.860	3.149.646
Xóa sổ khoản phải trả	5.950.000	-
Tiền phạt thu được	-	2.731.738
Khác	4.586.860	417.908
Chi phí khác	(5.999.517)	(1.886.304)
Các khoản phạt	(1.189.785)	(109.084)
Khác	(4.809.732)	(1.777.220)
LỢI NHUẬN KHÁC	4.537.343	1.263.342

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí giá vốn hàng hóa, nguyên vật liệu	771.230.833	377.791.173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.296.250	15.075.146
Chi phí nhân công	8.408.670	10.244.795
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (TM số 9 và 10)	3.411.052	4.866.771
Chi phí khác bằng tiền	52.394.813	2.724.574
TỔNG CỘNG	860.741.618	410.702.459

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và thu nhập chịu thuế:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
	<i>(Trình bày lại - Thuyết minh số 26)</i>	
Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	77.522.031	(55.690.599)
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	2.147.893	62.547.159
Thu nhập cổ tức	(49.005.000)	-
Điều chỉnh khác	34.424.267	131.937
Lợi nhuận tính thuế thuần điều chỉnh trước khi chuyển lỗ	65.089.191	6.988.497
Lỗ chuyển sang từ các năm trước	(65.089.191)	(6.988.497)
Thu nhập tính thuế ước tính trong kỳ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	-	-
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	-
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	(285.831)	(285.831)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.2 Thuế TNDN hoãn lại

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 130.251.637 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 195.340.828 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Ngàn VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2018	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018
2015	2020	10.097.286 (*)	(10.097.286)	-	-
2016	2021	191.649.105 (**)	(61.397.468)	-	130.251.637
TỔNG CỘNG		201.746.391	(71.494.754)	-	130.251.637

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

(**) Lỗ tính thuế là lỗ ước tính theo tờ khai thuế TNDN của Công ty và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 130.251.637 ngàn VND do không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm được trình bày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay tiền	107.545.823	-
		Chi phí lãi vay	40.435.131	139.897.373
Công ty TNHH Hoàng Anh An Dong Meas	Công ty con	Mua hàng hóa	166.593.347	-
		Bán hàng hóa	6.786.644	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	144.868.626	-
		Lãi cho vay	89.191.668	81.838.407
		Bán hàng hóa	82.991.457	41.498.020
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Bán hàng hóa	5.078.221	83.682.683
		Mua hàng hóa	4.494.167	6.703.173
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Mua hàng hóa	54.708.032	145.844.574
		Bán hàng hóa	24.348.970	14.143.451
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	53.037.327	51.270.294
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	52.696.948	48.279.014
Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Công ty con	Mua hàng hóa	47.045.731	-
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con	Mua hàng hóa	44.688.784	-
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	44.541.543	44.388.634
		Mua hàng hóa	36.738.979	-
		Bán hàng hóa	9.669.823	4.160.981
Chi nhánh Cơ Khí Hoàng Anh Gia lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	17.841.105	57.571
Chi nhánh Chế biến Hoa quả Hoàng Anh Gia lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	14.709.595	4.075.143
		Bán hàng hóa	8.168.883	518.182
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	12.603.282	-
		Mua nhiên liệu, dịch vụ	6.494.578	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau:
 (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	10.500.000	21.116.667
Công ty Cổ Phần Cao Su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	10.330.733	32.420.788
		Bán hàng hóa, dịch vụ	5.156.315	3.944.601
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Mua hàng hóa	7.720.620	-
		Bán hàng hóa, dịch vụ	7.019.625	1.030.569
		Cổ tức phải thu	49.005.000	-
Công ty Cổ phần khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Thanh lý hợp đồng	5.950.000	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	5.825.035	7.979.779
		Mua hàng hóa	2.195.724	-
		Bán hàng hóa	1.807.663	817.455
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Mua hàng hóa	4.751.383	-
Chi nhánh Nguyên vật liệu Hoàng Anh Gia lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	2.168.850	-
		Mua tài sản	-	3.077.771
		Mua hàng hóa	1.141.453	5.147.826
Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Chi phí lãi vay	1.577.100	-
		Cho vay	-	128.168.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Lãi cho vay	314.357	314.357

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)</i>				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Bán hàng hóa	18.047.513	-
Công ty TNHH Hoàng Anh An Dong Meas	Công ty con	Bán hàng hóa	13.725.781	6.789.994
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	10.933.535	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa	1.956.280	-
Chi nhánh Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	5.819	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa	-	54.684.592
Các công ty khác	Bên liên quan	Khác	-	5.753.934
			44.668.928	67.228.520

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	321.170.974	66.047.152
Công ty TNHH CN & NN Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	86.312.000	29.400.729
Công ty TNHH Hoàng Anh An Dong Meas	Công ty con	Mua hàng hóa	58.780.123	-
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con	Mua hàng hóa	58.676.309	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Mua hàng hóa	37.589.104	-
Công ty TNHH Heng Brothers	Công ty con	Mua hàng hóa	28.667.096	28.667.096
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Mua hàng hóa	17.755.964	30.430.388
Chi nhánh Cơ Khí Hoàng Anh Gia lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	12.190.837	-
Chi nhánh Nguyên vật liệu Hoàng Anh Gia lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	8.974.295	653.840
Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Công ty con	Mua hàng hóa	7.353.562	4.548.000
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Mua hàng hóa	5.146.332	52.364.121
Công ty TNHH MTV Kinh doanh XNK Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	-	11.275.592
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Mua hàng hóa	-	2.067.403
			642.616.596	225.454.321
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	10.420.467	10.302.285

(*) Cho vay ngắn hạn bên liên quan thể hiện khoản cho vay tín chấp với thời hạn hoàn trả đến hết tháng 6 năm 2019 và hưởng lãi suất trung bình từ 7% đến 14%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 7)				
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cán trừ công nợ Cổ tức Chi hộ	603.251.372 19.507.500 -	- 19.507.500 7.234.722
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cán trừ công nợ Lãi cho vay Chi hộ	397.030.059 - -	- 409.394.215 4.011.563
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Cán trừ công nợ Khác	76.152.302 2.452.243	- 557.641
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Cán trừ công nợ	38.415.501	-
Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cổ tức	49.005.000	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cán trừ công nợ	23.404.454	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cán trừ công nợ Khác	12.961.939 5.406.428	- 5.406.428
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con	Cán trừ công nợ	12.675.327	-
Các công ty khác	Bên liên quan	Khác	7.107.067	13.527.895
			1.247.369.192	459.639.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu về cho vay dài hạn (*)				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	1.640.033.674	1.631.811.594
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	799.419.593	799.419.593
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	748.654.354	748.654.354
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Cho vay	735.474.043	735.474.043
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Cho vay	173.395.050	173.395.050
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	90.307.655	98.507.655
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Cho vay	4.466.000	4.466.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Bên liên quan	Cho vay	-	300.000.000
			4.191.750.369	4.491.728.289
Phải thu dài hạn khác (TM số 7)				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	512.403.710	422.043.980
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	298.896.847	254.355.304
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	272.032.099	251.639.528
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	238.432.180	185.394.853
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	11.278.783	63.053.979
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Lãi cho vay	1.085.236	770.881
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	-	63.570.833
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	-	9.365.327
			1.334.128.855	1.250.194.685

(*) Cho vay dài hạn các bên liên quan thể hiện các khoản cho vay tín chấp các công ty với thời hạn hoàn trả từ tháng 3 năm 2019 đến tháng 6 năm 2023 và hưởng lãi suất trung bình từ 7% đến 14%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 12)</i>				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông Nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Mua vật tư, hàng hóa	4.091.195	83.166.966
Các công ty khác	Bên liên quan	Mua vật tư, hàng hóa	423.854	430.728
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Mua vật tư	-	31.708.739
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Mua vật tư, hàng hóa	-	20.883.842
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Đông Pênh	Công ty con	Mua vật tư	-	7.957.250
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua vật tư	-	3.798.449
			4.515.049	147.945.974
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 13)</i>				
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Tạm ứng mua vật tư	13.521.869	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông Nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Tạm ứng mua vật tư	-	30.304.994
			13.521.869	30.304.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 15)				
Ông Đoàn Nguyên Đức (*)	Chủ tịch HĐQT	Mượn tiền	1.557.500.000	-
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi	Bên liên quan	Mượn tiền Lãi vay	- -	500.000.000 10.120.174
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi vay Thu hộ	- -	107.617.742 -
Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mượn tiền Lãi vay	- -	67.800.000 5.260.420
Công ty Cổ phần khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mượn tiền	-	5.950.000
			1.557.500.000	696.748.336

(*) Đây là khoản mượn tiền không lãi suất, tín chấp từ Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức theo Hợp đồng số 1403/2018/HĐV/NNQT-ĐNĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2018 nhằm mục đích trả gốc, lãi vay và ứng đầu tiên đầu tư trồng cây chuối, ớt,... cho Nhóm Công ty.

Phải trả dài hạn khác (TM số 15)

Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cần trừ công nợ	769.274.811	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cần trừ công nợ	400.926.337	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi vay	-	346.274.401
			1.170.201.148	346.274.401

Vay dài hạn (TM số 16.4)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	352.700.664	1.957.824.733
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Vay dài hạn	-	126.168.000
			352.700.664	2.083.992.733

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Lương và thưởng	<u>1.268.000</u>	<u>1.695.000</u>

25. CAM KẾT QUAN TRỌNG

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa Công ty, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh, cùng thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, Công ty cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm Công ty Mía đường HAGL có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm Công ty Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

- (a) Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Nhóm Công ty Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt Nam;
- (b) Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (c) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (d) Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng cỏ và nuôi bò của Nhóm Công ty Mía đường HAGL; và
- (e) Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tổ tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty Mía đường HAGL trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN LOẠI LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Trong kỳ, Công ty đã điều chỉnh lại một số dữ liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 liên quan đến ảnh hưởng của nghiệp vụ chuyển nhượng 100% tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu cho bên thứ ba vào ngày 22 tháng 5 năm 2017.

Ngoài ra, một số dữ liệu tương ứng trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ này.

Chi tiết ảnh hưởng của các điều chỉnh này như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Đã trình bày trước đây)</i>	<i>Điều chỉnh lại</i>	<i>Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Đã trình bày lại)</i>
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ			
Chi phí tài chính	(287.477.423)	(152.450.400)	(439.927.823)
Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	95.496.459	(152.450.400)	(56.953.941)
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	96.759.801	(152.450.400)	(55.690.599)
Lợi nhuận thuần (lỗ) sau thuế	96.759.801	(152.450.400)	(55.690.599)
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	96.759.801	(152.450.400)	(55.690.599)
Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	99.760.704	(152.450.400)	(52.689.696)
Lãi từ hoạt động đầu tư	(242.595.918)	152.450.400	(90.145.518)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 2.217 tỷ VND.

Vào ngày 6 tháng 5 năm 2018, Đại Hội đồng Cổ đông đã phê duyệt việc phát hành 221.710 trái phiếu chuyển đổi với mệnh giá là 10 triệu VND/trái phiếu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty, theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông có liên quan.

Vào ngày 3 tháng 7 năm 2018, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt kết quả phát hành 221.710 trái phiếu cho các cổ đông hiện hữu và phương án xử lý cho 221.688 trái phiếu chưa được phân phối hết, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị có liên quan.

Vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc phát hành 221.688 trái phiếu trên cho Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải, bên thứ ba, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị có liên quan.

Tại ngày báo cáo này, nghiệp vụ phát hành trái phiếu trên đã được hoàn tất.

Ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược giữa Công ty và Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO")

Vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Công ty và THACO đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược. Theo đó, một số nội dung chính thức đã được thông qua như sau:

- ▶ THACO cam kết hỗ trợ Công ty trong việc cơ cấu các khoản nợ vay, và huy động vốn đầu tư chăm sóc diện tích trồng cây ăn trái đã có, phát triển mở rộng diện tích trồng cây ăn trái dự kiến trong hai (2) năm 2019 và năm 2020; và
- ▶ THACO cam kết đồng hành trong quá trình xây dựng Công ty và các công ty con trở thành Tập đoàn nông nghiệp hùng mạnh, góp phần phát triển ngành nông nghiệp nói riêng và nền kinh tế xã hội của Việt Nam - Lào - Campuchia nói chung.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh khác sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập




Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2018